**NgPCT: ………**

**Bài 27**

**THỰC HÀNH: VẼ VÀ NHẬN XÉT BIỂU ĐỒ VỀ SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CỦA THẾ GIỚI**

(Số tiết: …………. tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Tính được cơ cấu sản lượng lương thực thế giới năm 2000 và 2019.

- Vẽ được biểu đồ thể hiện quy mô và cơ cấu sản lượng lương thực của thế giới năm 2000 và 2019.

- Nhận xét sự thay đổi quy mô và cơ cấu sản lượng lương thực thế giới năm 2019 so với năm 2020

**2. Về năng lực:**

* **Tự học tự chủ:**

- Chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

- Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành cách học riêng của bản thân; tìm kiếm, lựa chọn nguồn tài liệu phù hợp.

- Ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết.

* **Năng lực giao tiếp:**

- Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá các vấn đề.

- Biết chủ động trong giao tiếp, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.

* **Tự học giải quyết vấn đề và sáng tạo:**

- Chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

- Ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết.

* **Sử dụng CNTT và truyền thông**

-  Có thể sử dụng các phương tiện công nghệ để hỗ trợ tìm kiếm thông tin liên quan đến nội dung bài học

**b. Năng lực địa lí**

* Nhận thức khoa học địa lí:

- Tính được cơ cấu sản lượng lương thực trên thế giới.

- Nhận xét được sự thay đổi quy mô và cơ cấu sản lượng lương thực thế giới năm 2019 và 2000.

* Tìm hiểu địa lí

- Tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi quy mô và cơ cấu sản lượng lương thực thế giới năm 2019 so với năm 2000.

* Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:

- Vẽ được biểu đồ quy mô và cơ cấu sản lượng lương thực của thế giới năm 2000 và năm 2019.

**3. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học.

- Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập bản thân được phân công.

- Nhân ái: Tôn trọng các đặc thù riêng ngành nông nghiệp.

- Trung thực: Báo cáo chính xác kết quả của hoạt động nhóm và bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Giấy khổ lớn, bút lông, nam châm gắn bảng, phiếu học tập.

- Phần thưởng cho trò chơi (nếu có).

**2. Học liệu**

- Sách giáo khoa, tập ghi chép.

- Giấy note

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (Tình huống xuất phát) - 10 phút**

**a. Mục tiêu:**

**-** Tạo hứng khởi cho bài học, phát triển năng lực tư duy, giao tiếp, thống kê và khả năng liên kết kiến thức của học sinh.

- Kiểm tra kiến thức nền tảng về bài học của học sinh, tạo tình huống vào bài.

**b. Nội dung:**

- Học sinh tham gia trò chơi.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của học sinh trên giấy note.

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Bước 1 - Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm và phổ biến luật chơi

* Một gói có 3 câu hỏi.
* Nhóm HS lần lượt gói câu hỏi để trả lời
* Điểm số: 10 điểm/1 gói câu hỏi.
* Trả lời câu hỏi sau khi hết giờ.
* Thời gian: 1 phút/1 gói câu hỏi.
* **Gói 1**

**Câu 1:** Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là

**Trả lời:** Cây trồng và vật nuôi

**Câu 2:** Cây lương thực có đặc điểm sinh thái phù hợp với khí hậu vùng ôn đới?

**Trả lời:** Lúa mì

**Câu 3:** Để đẩy mạnh thâm canh trong sản xuất nông nghiệp cần phải

Trả lời: Duy trì, nâng cao độ phì cho đất

* **Gói 2**

**Câu 1:** Tư liệu sản xuất chủ yếu và không thể thay thế trong nông nghiệp là

**Trả lời:** Đất trồng

**Câu 2:** Ưa khí hậu nóng ẩm, ngập nước, đất phù sa là đặc điểm sinh thái của

**Trả lời:** Lúa gạo

**Câu 3:** Cây trồng và vật nuôi sinh trưởng và phát triển theo quy luật nào?

**Trả lời:** Quy luật sinh học

* **Gói 3**

**Câu 1:** Sản xuất nông nghiệp chủ yếu phụ thuộc vào

**Trả lời:** Điều kiện tự nhiên

**Câu 2:** Phân bố được ở miền nhiệt đới, cận nhiệt và ôn đới nóng là

**Trả lời:** Cây ngô

**Câu 3:** Trong nông nghiệp, thời gian sản xuất dài hơn thời gian lao động để tạo ra sản phẩm, đây là nguyên nhân gây ra

**Trả lời:** Tính mùa vụ

* **Gói 4**

**Câu 1:** Phát triển các vùng chuyên môn hoá nông nghiệp và đẩy mạnh CN chế biến là biểu hiện của

**Trả lời:** Nền nông nghiệp SX hàng hoá

**Câu 2:** Ưa nhiệt, ẩm, không chịu được gió bão, thích hợp đất ba dan là đặc điểm sinh thái của

**Trả lời:** Cây cao su

**Câu 3:** Cây trồng và vật nuôi chỉ tồn tại và phát triển khi có đủ 5 yếu tố cơ bản nào?

**Trả lời:** Nhiệt độ, nước, ánh sáng, không khí, dinh dưỡng

**- Bước 2 - Thực hiện nhiệm vụ:** Tiến hành trò chơi.

**– Bước 3 –** GV nhận xét thái độ tham gia trò chơi của học sinh

**– Bước 4 - Kết luận:** GV tổng kết, ghi điểm cho các nhóm học sinh.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (30 phút)**

**NỘI DUNG 1: TÍNH CƠ CẤU SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI NĂM 2000 VÀ 2019 (8 PHÚT)**

**a. Mục tiêu**

- Rèn luyện kĩ năng tính toán cơ cấu sản lượng lương thực thế giới

**b. Nội dung**

- HS dựa bảng số liệu 27 để tính toán cơ cấu sản lượng lương thực thế giới

**c. Sản phẩm**

- Kết quả tính toán của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Bước 1 - Chuyển giao nhiệm vụ:**

* GV cung cấp công thức tính cơ cấu

* Yêu cầu HS làm việc cá nhân để thành lập được bảng số liệu CƠ CẤU SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI NĂM 2000 - 2019

**- Bước 2 - Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân, tính toán và thành lập bảng số liệu mới.

**- Bước 3 – Báo cáo, thảo luận:** GV thành lập khung bảng số liệu cơ cấu lên bảng, gọi 1 học sinh lên bảng điền kết quả tính toán vào bảng số liệu. GV yêu cầu cả lớp đối chiếu kết quả trên bảng so với kết quả tính toán của mình.

**- Bước 4 – Kết luận, nhận định:** GV nhận xét thái độ làm việc của học sinh và chuẩn kiến thức.

**BẢNG. CƠ CẤU SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CỦA THẾ GIỚI**

**NĂM 2000 VÀ NĂM 2019 (Đơn vị: %)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại cây** | **Năm 2000** | **Năm 2019** |
| Lúa gạo | 29,1 | 24,6 |
| Lúa mì | 28,4 | 24,9 |
| Ngô | 28,8 | 37,3 |
| Cây lương thực | 13,7 | 13,2 |
| **Tổng số** | **100** | **100** |

**NỘI DUNG 2: VẼ BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN QUY MÔ VÀ CƠ CẤU SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI NĂM 2000 VÀ 2019 (18 PHÚT)**

**a. Mục tiêu**

- Rèn luyện kĩ năng vẽ biểu đồ tròn

**b. Nội dung**

- Nêu các bước vẽ biểu đồ.

- Cách tính bán kính hình tròn để thể hiện quy mô.

- HS vẽ biểu đồ thể hiện quy mô và cơ cấu sản lượng lương thực của thế giới năm 2000 và 2019.

**c. Sản phẩm**

- Biểu đồ quy mô và cơ cấu sản lượng lương thực của thế giới năm 2000 và 2019

|  |
| --- |
| **NỘI DUNG KIẾN THỨC**  **1. Các bước vẽ biểu đồ**   * Bước 1: Xác định biểu đồ. * Bước 2: Xử lí số liệu (nếu cần) * Bước 3: Vẽ biểu đồ (chính xác, khoa học, thẩm mĩ). * Bước 4: Hoàn thiện biểu đồ (tên BĐ và chú thích) * Bước 5: Nhận xét biểu đồ   **2. Tính bán kính hình tròn để thể hiện quy mô.**  – Gọi giá trị của năm thứ **1** ứng với hình tròn có diện tích **S1** và bán kính **R1**  **=>** Cho R1 = 1 đvbk  – Gọi giá trị của năm thứ **2** ứng với hình tròn có diện tích **S2** và bán kính **R2**  => Công thức tính tương quan bán kính của hình tròn qua các năm (địa điểm) như sau:  https://lh4.googleusercontent.com/yXxkBc50vwi9bdNaj3AM695HFXWBftx3qqd3CBL9r4ndJvIYlNKC3SPYQC6llQHZrzR6vHU81_lAjjcLq4u_UAmi0WvCvv4u6huFcc7hXNEeXsIky2BQYalBKk-ZiUBMCHdjaQETBSgmJJmivwZ9Lw  **3. Vẽ biểu đồ tròn:** Thể hiện quy mô, cơ cấu sản lượng lương thực của thế giới năm 2000 và năm 2019.  \*Cách vẽ:  - Vẽ 2 hình tròn có kích thước lớn nhỏ khác nhau để thể hiện quy mô sản lượng lương thực của thế giới năm 2000 và năm 2019.  - Trên mỗi hình tròn, lấy kim 12h làm chuẩn, vẽ theo chiều kim đồng hồ.  \*Chú ý:  - Tên biểu đồ đầy đủ 3 yếu tố thể hiện: Cái gì, khi nào, ở đâu.  - Chú ý tỉ lệ chính xác, ghi số liệu vào biểu đồ, chú thích rõ ràng.  \* Vẽ biểu đồ:  https://lh4.googleusercontent.com/YM5Sfpi9wpBaQrmZrXJDogeOFqbVCsSICqTuh6ZlyiFxXwnvlu1_WO1NPLgb35qGqIpBIoDqP-bv5b4hTBJQ7qZ9ko9OwXK3Wj8NKgnS_ov--5WYAlBVqEiNaVv9g6lovJZRfXtCz5RjuBFMdacxuA |

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Bước 1 - Chuyển giao nhiệm vụ:**

* GV yêu cầu HS: HÃY NÊU CÁC BƯỚC VẼ BIỂU ĐỒ
* Tính bán kính hình tròn để thể hiện quy mô.
* Vẽ biểu đồ tròn thể hiện quy mô, cơ cấu sản lượng lương thực của thế giới năm 2000 và năm 2019.

**- Bước 2 - Thực hiện nhiệm vụ:** HS tiếp nhận nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ

**- Bước 3 – Báo cáo, thảo luận:** GV yêu cầu 1 hoặc 2 HS lên bảng thực hiện nhiệm vụ (cả lớp làm vào vở).

**- Bước 4 – Kết luận, nhận định:** GV nhận xét thái độ làm việc của học sinh, các HS khác nhận xét sản phẩm của các HS trên bảng. GV cho điểm sản phẩm để động viên và khuyến khích HS.

**NỘI DUNG 3: NHẬN XÉT SỰ THAY ĐỔI QUY MÔ VÀ CƠ CẤU SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI NĂM 2000 VÀ 2019 (5 PHÚT)**

**a. Mục tiêu**

- Rèn luyện kĩ năng nhận xét biểu đồ tròn

**b. Nội dung**

- Nhận xét quy mô và cơ cấu sản lượng lương thực của thế giới năm 2000 và 2019

**c. Sản phẩm**

- Câu trả lời của HS

|  |
| --- |
| **NỘI DUNG KIẾN THỨC**  **3. Nhận xét quy mô, cơ cấu sản lượng lương thực của thế giới năm 2000 và năm 2019.**  **\*Quy mô:**  - Quy mô tổng sản lượng lương thực của toàn thế giới tăng nhanh: Tổng sản lượng lương thực tăng từ 2058,7 triệu tấn (năm 2000) lên 3075,9 triệu tấn (2019) => tăng 1017,2 triệu tấn, tăng 1,5 lần.  - Sản lượng các loại cây lương thực đều tăng với tốc độ khác nhau  + Lúa gạo tăng 156,8 triệu tấn, tăng 1,26 lần.  + Lúa mì tăng 180,8 triệu tấn, tăng 1,3 lần.  + Ngô tăng 556,5 triệu tấn, tăng 1,94 lần.  + Các loại cây lương thực khác tăng 123,1 triệu tấn, tăng 1,43 lần.  => Loại cây tăng nhanh nhất là cây ngô.  **\*Cơ cấu**  - Cơ cấu sản lượng cây lương thực có sự khác nhau giữa các loại cây.  + Năm 2000, chiếm tỉ trọng cao nhất là cây lúa gạo với 29,1%; sau đó là cây ngô 28,8% và cây lúa mì 28,3%.  + Năm 2019, chiếm tỉ trọng cao nhất là cây ngô 37,3%, sau đó là cây lúa mì 24,9% và cây lúa gạo 24,6%.  - Cơ cấu sản lượng lương thực của toàn thế giới năm 2019 có sự thay đổi so với năm 2000.  + Giảm tỉ trọng sản lượng cây lúa gạo, lúa mì và các loại cây khác.  + Tăng tỉ trọng sản lượng cây ngô. |

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Bước 1 - Chuyển giao nhiệm vụ:**

* YÊU CẦU: GV yêu cầu HS dựa vào biểu đồ và bảng số liệu để nhận xét quy mô, cơ cấu sản lượng lương thực của thế giới năm 2000 và năm 2019.
* HÌNH THỨC: Cặp đôi/cá nhân
* THỜI GIAN: 3 phút

**- Bước 2 - Thực hiện nhiệm vụ:** HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghiên cứu và thảo luận cặp đôi để thống nhất đáp án.

**- Bước 3 – Báo cáo, thảo luận:** GV gọi 1 HS bất kì trình bày kết quả của mình, HS khác bổ sung.

**- Bước 4 – Kết luận, nhận định:** GV nhận xét thái độ làm việc của học sinh, GV chuẩn kiến thức.

**3. Hoạt động 3: Luyện tập (3 phút)**

**a. Mục tiêu**

- Củng cố kiến thức bài học

- Phát triển năng lực tư duy sáng tạo

**b. Nội dung**: Giải thích tại sao sản lượng cây lương thực của thế giới tăng nhanh?

**c. Sản phẩm**

- Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ, cá nhân học sinh thực hiện.
* **Thực hiện nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề.
* **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi 2 học sinh trả lời, đối chiếu kết quả.
* **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả, tuyên dương các HS làm việc tích cực.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (1 phút)**

**a. Mục tiêu**

- Vận dụng kiến thức đã học

**b. Nội dung:** Với bảng số liệu 27, để so sánh sản lượng các loại cây lương thực, biểu đồ nào là thích hợp nhất?

**c. Sản phẩm:** Kết quả tìm kiếm câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- **Chuyển giao nhiệm vụ**: GV giao nhiệm vụ.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS xung phong trả lời câu hỏi.
* **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá, tổng kết hoạt động.

**=====================================**